



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Trụ sở chính : 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Nhà máy : Km 35, quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, TP. Hải Phòng
Tel : +84.225.3525195 Fax : +84.225.3824562
Email : info@lilama69-2.com.vn Web : www.lilama69-2.com.vn



Số: 00.7/CBTT- 2021

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Lilama 69-2**
2. Mã chứng khoán: **L62**
3. Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
4. Điện thoại: 02253.525 195 Fax: 02253.824 562
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Bà Trần Thị Hương** – Kế toán trưởng Công ty
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính riêng năm 2020 sau kiểm toán, báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020 sau kiểm toán và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 sau kiểm toán của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

7. Địa chỉ Website đăng tải: <http://www.lilama69-2.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

NGƯỜI ĐƯỢC UQ CÔNG BỐ THÔNG TIN Ch

Nơi nhận:

- Như k. gửi,
- Lưu.



Trần Thị Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	5
3	Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp</i>	9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp</i>	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 69-2 trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200155547 ngày 29/12/2017, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là hoạt động xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.982.430.000 đồng (Tám mươi hai tỷ, chín trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200155547 ngày 29/12/2017 ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2020 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Vũ Kế Chương	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Trương Đức Thành	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Trần Xuân Trường	Thành viên hội đồng quản trị
Bà Lê Thị Minh	Thành viên hội đồng quản trị

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm

Ông Vũ Kế Chương	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Giám Hiệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Vũ Kế Chương chức vụ Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2021



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

Số: 051/2021/BCKTTH-PB.00081

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lilama 69-2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 03 năm 2021, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Lilama 69-2 tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



ÔNG THÈ ĐỨC

Phó Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0855-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

PHẠM TUẤN VŨ

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 2030-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		493.009.144.297	483.473.358.674
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7.799.909.180	2.571.081.516
1. Tiền	111		7.799.909.180	2.571.081.516
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		265.263.892.128	232.616.936.042
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	198.578.462.308	185.203.477.290
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24.730.800.157	14.535.282.152
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	49.010.659.753	39.934.206.690
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.056.030.090)	(7.056.030.090)
IV. Hàng tồn kho	140		219.476.580.635	248.148.665.661
1. Hàng tồn kho	141	5.4	219.476.580.635	248.148.665.661
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		468.762.354	136.675.455
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	146.419.476	136.675.455
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		322.342.878	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		105.692.251.176	110.344.925.617
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.516.064.507	2.964.638.587
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	2.516.064.507	2.964.638.587
II. Tài sản cố định	220		92.060.329.941	83.862.583.978
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	85.339.883.452	83.140.436.600
- Nguyên giá	222		181.396.226.003	178.634.531.638
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(96.056.342.551)	(95.494.095.038)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	5.814.458.280	722.147.378
- Nguyên giá	225		6.734.410.019	1.251.374.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(919.951.739)	(529.227.167)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	905.988.209	-
- Nguyên giá	228		1.881.110.846	935.731.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(975.122.637)	(935.731.847)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.9	4.670.186.713	17.013.348.345
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.670.186.713	17.013.348.345
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	1.020.000.000	1.020.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		1.020.000.000	1.020.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.425.670.015	5.484.354.707
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	5.425.670.015	5.484.354.707
TỔNG TÀI SẢN	270		598.701.395.473	593.818.284.291

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		489.022.643.800	483.951.120.036
I. Nợ ngắn hạn	310		478.961.434.743	470.925.736.346
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	140.150.459.428	86.465.925.769
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41.471.199.171	89.145.188.629
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	7.267.619.948	1.204.628.525
4. Phải trả người lao động	314		50.763.820	2.324.596.239
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	14.395.179.892	21.798.678.137
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		570.000.000	570.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	20.868.432.130	15.357.103.223
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	252.053.767.636	252.650.937.513
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.134.012.718	1.408.678.311
II. Nợ dài hạn	330		10.061.209.057	13.025.383.690
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	10.061.209.057	13.025.383.690
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		109.678.751.673	109.867.164.255
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	109.678.751.673	109.867.164.255
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.982.430.000	82.982.430.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		82.982.430.000	82.982.430.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.462.273	36.462.273
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.854.216.596	20.955.021.940
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.333.125.863	3.434.956.890
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.472.516.941	2.458.293.152
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.860.145.116	1.150.101.890
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		612.371.825	1.308.191.262
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		598.701.395.473	593.818.284.291



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Trần Thị Hương
Kế toán trưởng

Vũ Bích Chi
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	313.216.527.215	483.459.691.048
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		313.216.527.215	483.459.691.048
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	270.220.256.810	434.002.968.096
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.996.270.405	49.456.722.952
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	55.788.402	138.066.639
7. Chi phí tài chính	22	6.4	28.095.700.963	29.792.819.168
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		28.053.339.734	29.571.480.128
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	14.444.992.593	16.195.193.028
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		511.365.251	3.606.777.395
11. Thu nhập khác	31	6.6	2.755.152.566	292.418.684
12. Chi phí khác	32	6.7	2.457.230.205	1.870.111.515
13. Lợi nhuận khác	40		297.922.361	(1.577.692.831)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		809.287.612	2.029.084.564
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	196.915.787	720.893.302
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		612.371.825	1.308.191.262
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	74	158
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	74	158



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc
 Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Trần Thị Hương
Kế toán trưởng

Vũ Bích Chi
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	282.427.697.243	542.495.301.133
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(226.889.971.368)	(450.440.569.831)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(37.492.420.919)	(51.200.631.710)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	(29.845.170.850)	(27.759.247.031)
5. Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(200.000.000)	(1.217.370.635)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	26.999.154.113	35.107.601.552
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(4.115.965.005)	(31.614.183.547)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.883.323.214	15.370.899.931
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.527.025.248)	(7.880.221.007)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	7.407.851.020	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.020.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
5. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	35.847.182	33.664.771
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.083.327.046)	(8.866.556.236)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ	31	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	125.115.617.027	354.412.581.273
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(124.745.789.602)	(363.503.170.335)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(3.931.171.935)	(243.200.004)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.590.108.870)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.561.344.510)	(10.923.897.936)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	5.238.651.658	(4.419.554.241)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.571.081.516	6.990.441.314
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(9.823.994)	194.443
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.799.909.180	2.571.081.516



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Trần Thị Hường
Kế toán trưởng

Vũ Bích Chi
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.982.430.000 đồng, tổng số cổ phần là 8.298.243 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

1.3 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31/12/2020, công ty có 01 công ty con và 01 chi nhánh hạch toán độc lập, cụ thể:

<i>Tên Công ty</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa Lilama 69-2	Công ty con	Quận Hồng Bàng - thành phố Hải Phòng	Xây lắp	51%
Chi nhánh Công ty CP Lilama 69-2 – Xí nghiệp lắp máy và xuất nhập khẩu	Chi nhánh hạch toán độc lập	Quận Hồng Bàng - thành phố Hải Phòng	Xây lắp	

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.6 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

4.8 **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

4.9 **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.11 Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

4.12 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

4.13 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	410.295.562	1.580.531.342
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.389.613.618	990.550.174
Cộng	7.799.909.180	2.571.081.516

5.2 Phải thu khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên không liên quan	-	-
Phải thu của khách hàng ngắn hạn khác	198.578.462.308	185.203.477.290
- Công ty cổ phần thương mại quốc tế Đức Phát	58.907.655.103	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất vật liệu xây dựng Minh Hoàng	7.129.449.261	-
- Công ty cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Trí Đức	4.966.351.000	8.280.411.478
- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải và tư vấn Đông Nam á	6.787.820.400	16.619.990.647
- Công ty TNHH xây dựng công nghiệp Olympia HD 616 - KS Accor Sapa	8.976.739.034	14.854.926.867
- Công ty cổ phần Gas Việt Nhật	-	18.508.561.358
- Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	-	6.422.668.756
- Khách hàng khác	111.810.447.510	120.516.918.184
Cộng	198.578.462.308	185.203.477.290

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Nợ xấu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty dệt kim Hải Phòng	71.340.916	-	71.340.916	-
- Contrexim - khu phụ trợ XMHP	146.166.157	-	146.166.157	-
- Nguyễn Hữu Dân	8.648.000	-	8.648.000	-
- Công ty cổ phần dệt may xuất khẩu Hải Phòng	3.530.030.467	-	3.530.030.467	-
- Công trình Đức Tân Long	3.028.418.120	-	3.028.418.120	-
- Contrexim - CT cảng Cái Lân	27.826.530	-	27.826.530	-
- Nhà máy thức ăn gia súc thái Bình	18.194.000	-	18.194.000	-
- Cột phát sóng ăng ten Cát Bà	12.000.000	-	12.000.000	-
- Ông Hoàng Thế Bách	13.815.000	-	13.815.000	-
- Công ty công nghiệp tàu thủy Ngô Quyền Hải Phòng	199.590.900	-	199.590.900	-
	7.056.030.090	-	7.056.030.090	-

5.3 Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn	49.010.659.753	-	39.934.206.690	-
- Ký cược, ký quỹ	2.297.017.478	-	2.975.188.512	-
- Phải thu khác	7.001.335.034	-	3.978.079.020	-
- Tạm ứng	39.712.307.241	-	32.980.939.158	-
b. Dài hạn	2.516.064.507	-	2.964.638.587	-
- Ký cược, ký quỹ	2.516.064.507	-	2.964.638.587	-
Cộng	51.526.724.260	-	42.898.845.277	-

5.4 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.365.024.384	-	29.443.454.346	-
Công cụ, dụng cụ	676.452.683	-	1.348.730.115	-
Chi phí SXKD dở dang	186.435.103.568	-	217.356.481.200	-
Cộng	219.476.580.635	-	248.148.665.661	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.5 Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	146.419.476	136.675.455
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.097.222	-
- Các khoản khác	134.322.254	136.675.455
b. Dài hạn	5.425.670.015	5.484.354.707
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	231.847.845	175.656.445
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	253.326.148	272.109.844
- Các khoản khác	4.940.496.022	5.036.588.418
Cộng	<u>5.572.089.491</u>	<u>5.621.030.162</u>

5.6 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	-	935.731.847	935.731.847
- Mua trong năm	-	945.378.999	945.378.999
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>1.881.110.846</u>	<u>1.881.110.846</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số đầu năm	-	935.731.847	935.731.847
- Khấu hao trong năm	-	39.390.790	39.390.790
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>975.122.637</u>	<u>975.122.637</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>905.988.209</u>	<u>905.988.209</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.7 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị đựng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	84.574.582.783	56.772.560.646	36.849.630.897	437.757.312	-	178.634.531.638
- Mua trong năm	-	991.368.511	3.114.440.728	-	-	4.105.809.239
- Đầu tư XDCB hoàn thành	6.222.774.241	6.370.728.695	-	98.627.727	-	12.692.130.663
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.218.218.267)	(7.818.027.270)	-	-	(14.036.245.537)
Số cuối năm	90.797.357.024	57.916.439.585	32.146.044.355	536.385.039	-	181.396.226.003
H. HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	28.519.374.424	31.130.361.260	35.490.111.508	354.247.846	-	95.494.095.038
- Khấu hao trong năm	4.211.759.633	3.140.998.007	1.639.231.981	35.755.508	-	9.027.745.129
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.341.270.850)	(7.124.226.766)	-	-	(8.465.497.616)
Số cuối năm	32.731.134.057	32.930.088.417	30.005.116.723	390.003.354	-	96.056.342.551
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	56.055.208.359	25.642.199.386	1.359.519.389	83.509.466	-	83.140.436.600
Số cuối năm	58.066.222.967	24.986.351.168	2.140.927.632	146.381.685	-	85.339.883.452

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

50.460.625.840 đồng

47.832.698.532 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.8 Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	1.251.374.545	-	1.251.374.545
- Thuê tài chính trong năm	2.730.545.455	4.003.864.564	6.734.410.019
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.251.374.545)	-	(1.251.374.545)
Số cuối năm	2.730.545.455	4.003.864.564	6.734.410.019
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số đầu năm	529.227.167	-	529.227.167
- Khấu hao trong năm	707.606.692	313.682.837	1.021.289.529
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(630.564.957)	-	(630.564.957)
Số cuối năm	606.268.902	313.682.837	919.951.739
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	722.147.378	-	722.147.378
Số cuối năm	2.124.276.553	3.690.181.727	5.814.458.280

5.9 Tài sản dở dang

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Các dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2017 trở về trước	-	12.754.381.108
- Dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2018	2.989.839.848	3.045.240.166
- Dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2019	1.546.172.163	1.213.727.071
- Dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2020	134.174.702	-
Cộng	4.670.186.713	17.013.348.345

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn	Giá gốc		Giá trị hợp lý		Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND	Dự phòng VND	Dự phòng VND	Dự phòng VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.020.000.000	1.020.000.000	1.020.000.000	1.020.000.000	-	1.020.000.000	1.020.000.000	-
- Đầu tư vào công ty con (*)	1.020.000.000	1.020.000.000	1.020.000.000	1.020.000.000	-	1.020.000.000	1.020.000.000	-
Cộng	1.020.000.000	1.020.000.000	1.020.000.000	1.020.000.000	-	1.020.000.000	1.020.000.000	-

(*) Khoản đầu tư vào Công ty CP Dịch vụ sửa chữa Lilama 69-2 theo quyết định số: 84/QĐ-HĐQT 2019 ngày 02/07/2019 với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 51%.

5.11 Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
b. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	140.150.459.428	140.150.459.428	86.465.925.769	86.465.925.769
- Công ty CP Phát triển Công nghiệp Hoàng Dương	8.295.809.881	8.295.809.881	8.295.809.881	8.295.809.881
- Công ty Cổ phần Lilama 69-1	4.173.641.854	4.173.641.854	-	-
- Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	58.828.567.105	58.828.567.105	-	-
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn IPC	7.358.714.653	7.358.714.653	7.358.714.653	7.358.714.653
- Công ty CP XNK và xây dựng Bạch Đằng (Bimexco)	7.202.044.891	7.202.044.891	-	-
- Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp T&T CONS	8.172.363.279	8.172.363.279	-	-
- Công ty Cổ phần thép Miền Bắc	-	-	6.913.861.384	6.913.861.384
- Công ty cổ phần Hóa Chất	-	-	5.258.417.600	5.258.417.600
- Phải trả khác	46.119.317.765	46.119.317.765	58.639.122.251	58.639.122.251
Cộng	140.150.459.428	140.150.459.428	86.465.925.769	86.465.925.769

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**a. Thuế và các khoản phải nộp**

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất
- Các loại thuế khác
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Cộng

Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
VND	VND	VND	VND
1.204.628.525	9.822.448.921	3.759.457.498	7.267.619.948
355.229.532	8.919.446.727	3.236.844.692	6.037.831.567
268.188.587	196.915.787	200.000.000	265.104.374
81.577.399	46.935.107	128.512.506	-
-	556.151.300	91.100.300	465.051.000
-	3.000.000	3.000.000	-
499.633.007	100.000.000	100.000.000	499.633.007
1.204.628.525	9.822.448.921	3.759.457.498	7.267.619.948

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.13 Chi phí phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	14.395.179.892	21.798.678.137
- Trích trước chi phí công trình	14.268.047.245	19.879.714.374
- Trích trước lãi vay phải trả	127.132.647	1.918.963.763
Dài hạn	-	-
Cộng	14.395.179.892	21.798.678.137

5.14 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	20.868.432.130	15.357.103.223
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	3.042.246.690	2.779.650.754
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	7.426.186.051	3.457.791.285
- Bảo hiểm thất nghiệp	654.749.273	323.328.449
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.745.250.116	8.796.332.735
+ Đoàn phí công đoàn	1.249.543.478	1.026.672.478
+ Công ty CP Dịch vụ sửa chữa Lilama 69-2	4.687.246.804	4.687.246.804
+ Phải trả đối tượng khác	3.808.459.834	3.082.413.453
b. Dài hạn	-	-
Cộng	20.868.432.130	15.357.103.223

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

TT	Nội dung	Số cuối năm		Tăng	Trong năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a)	Vay ngắn hạn	252.053.767.636	252.053.767.636	117.707.766.007	118.304.935.884	252.650.937.513	252.650.937.513	
-	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	195.132.746.824	195.132.746.824	78.761.391.054	76.759.947.568	193.131.303.338	193.131.303.338	
-	- CN Hải Phòng ⁽¹⁾	-	-	-	-	-	-	
-	Ngân hàng TMCP An Bình	39.404.156.964	39.404.156.964	11.006.070.170	21.501.547.381	49.899.634.175	49.899.634.175	
-	Ngân hàng TMCP quân đội ⁽²⁾	10.896.863.848	10.896.863.848	25.440.304.783	17.543.440.935	3.000.000.000	3.000.000.000	
-	Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh ⁽³⁾	6.620.000.000	6.620.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	6.620.000.000	6.620.000.000	
-	Vay cá nhân	6.402.129.985	6.402.129.985	-	6.440.853.718	12.842.983.703	12.842.983.703	
b)	Vay dài hạn	3.085.185.214	3.085.185.214	-	4.199.999.998	7.285.185.212	7.285.185.212	
-	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	3.316.944.771	3.316.944.771	-	2.240.853.720	5.557.798.491	5.557.798.491	
-	Ngân hàng TMCP quân đội - CN Hải Phòng ⁽⁵⁾	3.659.079.072	3.659.079.072	7.407.851.020	3.931.171.935	182.399.987	182.399.987	
c)	Thuế tài chính	-	-	-	182.399.987	182.399.987	182.399.987	
-	Công ty TNHH MTV cho thuê TC - NH TMCP Ngoại thương VN	3.659.079.072	3.659.079.072	7.407.851.020	3.748.771.948	-	-	
-	Công ty cho thuê TC TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội ⁽⁶⁾	-	-	-	-	-	-	
Cộng		262.114.976.693	262.114.976.693	125.115.617.027	128.676.961.537	265.676.321.203	265.676.321.203	

Thời hạn

	Kỳ này		Kỳ trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền TTC	Trả tiền lãi thuê
- Từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-
- Trên 1 đến 5 năm	1.224.474.055	1.029.450.396	273.923.425	30.723.421
				243.200.004

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp)

(1) Vay Ngân hàng SHB chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 370/2020/HDHM-PN/SHB 110400 ngày 27/10/2020, thời hạn vay tối đa là 12 tháng, hạn mức vay tối đa là 250 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh chế tạo kết cấu, lắp đặt thiết bị, chế tạo lắp máy, sản xuất và kinh doanh thiết bị lọc tĩnh điện, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản quy định trong hợp đồng thế chấp.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 31600.20.257.1339407.TD ngày 03/07/2020, thời hạn 12 tháng, hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng. Mục đích vay để tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp công trình và sản xuất thiết bị lọc bụi tĩnh điện của khách hàng, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ.

(3) Vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 10074/20MB/HĐTĐ ký ngày 25/06/2020, thời hạn 12 tháng, hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng. Mục đích vay để thanh toán LC do HDBank phát hành để nhập khẩu thép, thanh toán tiền thuế nhập khẩu, tài trợ vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ cụ thể.

(4) Khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số SHB14L2106/2009/HĐT/TĐH-DN/SHBHP ngày 18/6/2009; Mục đích vay để đầu tư Nhà máy chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện; thời hạn vay là 90 tháng; lãi suất vay thả nổi điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần; Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của dự án hình thành sau đầu tư.

(5) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 64877.16.257.1339407.TD ngày 30/09/2016, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 18791.18.257.1339407.TD ngày 03/07/2018, hạn mức cho vay 10,5 tỷ đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để phục vụ đầu tư nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh năm 2018 của công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 27577.19.257.1339407.TD ngày 19/07/2019, hạn mức cho vay 2,471 tỷ đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư thiết bị công trực và cần trục. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 33837.19.257.1339407.TD ngày 11/09/2019, hạn mức cho vay 10,29 tỷ đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư nâng lực sản xuất công ty năm 2019. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

(6) Thuê tài chính của Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease – Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thuê tài chính số C200634215 ngày 15/07/2020, thời hạn 24 tháng, số tiền gốc tính cho thuê 2.304.692.000 đồng. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: bằng lãi trung bình của lãi suất tiền gửi áp dụng cho khách hàng cá nhân có kỳ hạn 13 tháng, lãi nhận cuối kỳ cộng biên độ 3%.

- Hợp đồng thuê tài chính số C200818012 ngày 26/08/2020, thời hạn 24 tháng, số tiền gốc tính cho thuê 2.201.437.481 đồng. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: bằng lãi trung bình của lãi suất tiền gửi áp dụng cho khách hàng cá nhân có kỳ hạn 13 tháng, lãi nhận cuối kỳ cộng biên độ 3%.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.16 Vốn chủ sở hữu**5.16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND			VND	VND			
01/01/2020	82.982.430.000	36.462.273	-	-	20.955.021.940	3.434.956.890	2.458.293.152	109.867.164.255	
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	612.371.825	612.371.825	
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	
- Tăng khác (*)	-	-	-	-	-	-	401.851.964	401.851.964	
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	(1.100.805.344)	(101.831.027)	-	(1.202.636.371)	
31/12/2020	82.982.430.000	36.462.273	-	-	19.854.216.596	3.333.125.863	3.472.516.941	109.678.751.673	

(*) Phân phối lại các quỹ của chi nhánh công ty CP Lilama 69-2 – Xí nghiệp lắp máy và xuất nhập khẩu theo Nghị quyết số 93/NQ-HĐQT2020 ngày 06/07/2020 của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tản Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Công ty CP Đầu tư công nghiệp nặng Việt Hải	11.046.560.000	11.046.560.000
- Nguyễn Xuân Kỳ	11.903.700.000	11.903.700.000
- Trần Xuân Trường	6.549.830.000	6.549.830.000
- Hoàng Sĩ Khang	6.985.290.000	6.985.290.000
- Vũ Khắc Nhiệm	6.985.290.000	6.985.290.000
- Hoàng Trung Kiên	5.198.350.000	5.198.350.000
- Vốn góp của cổ đông khác	34.313.410.000	34.313.410.000
Cộng	82.982.430.000	82.982.430.000

5.16.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.298.243	8.298.243
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.298.243	8.298.243
+ Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.298.243	8.298.243
+ Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a. Doanh thu	313.216.527.215	483.459.691.048
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	313.216.527.215	483.459.691.048
Cộng	313.216.527.215	483.459.691.048

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	270.220.256.810	434.002.968.096
Cộng	270.220.256.810	434.002.968.096

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tản Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	35.847.182	33.664.771
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.828.235	104.401.868
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.112.985	-
Cộng	55.788.402	138.066.639

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	28.053.339.734	29.571.480.128
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.361.229	146.601.591
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	56.802.270
- Chi phí tài chính khác	-	17.935.179
Cộng	28.095.700.963	29.792.819.168

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	255.137.902	297.916.678
- Chi phí nhân công	10.031.579.516	12.128.664.986
- Chi phí khấu hao TSCĐ	789.089.384	652.065.767
- Thuế, phí, lệ phí	538.271.000	233.365.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.151.485.440	1.837.740.605
- Chi phí khác bằng tiền	1.679.429.351	1.045.439.992
Cộng	14.444.992.593	16.195.193.028

6.6. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Thu nhập từ hành lý, nhượng bán TSCĐ	2.113.662.098	-
- Tiền hỗ trợ hợp đồng	615.239.599	-
- Vật tư thu hồi	-	62.377.802
- Các khoản khác	26.250.869	230.040.882
Cộng	2.755.152.566	292.418.684

6.7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	-	26.162.238
- Các khoản bị phạt	137.500.000	1.461.646.872
- Các khoản chi phí khác	2.319.730.205	382.302.405
Cộng	2.457.230.205	1.870.111.515

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

6.8. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	809.287.612	2.029.084.564
Các khoản chi phí không được khấu trừ	175.152.612	1.575.381.946
- Các khoản chi phí (phạt)	137.500.000	1.461.646.872
- Chi phí không hợp lý khác	-	56.932.804
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	37.652.612	56.802.270
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	984.440.224	3.604.466.510
Thuế TNDN phải trả ước tính	196.915.787	720.893.302
Điều chỉnh thuế (thừa)/thiếu của năm trước	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	196.915.787	720.893.302

6.9. Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	612.371.825	1.308.191.262
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	8.298.243	8.298.243
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	74	158

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	159.145.684.854	282.426.789.481
- Chi phí nhân công	39.530.471.694	69.552.823.026
- Khấu hao tài sản cố định	10.088.425.448	8.947.271.801
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.991.219.112	93.625.917.745
- Chi phí bằng tiền khác	2.035.161.289	2.838.848.270
Cộng	288.790.962.397	457.391.650.323

6.11 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.799.909.180	2.571.081.516
Phải thu khách hàng và phải thu khác	250.105.186.568	228.102.322.567
Đầu tư dài hạn	1.020.000.000	1.020.000.000
Cộng	258.925.095.748	231.693.404.083
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	262.114.976.693	265.676.321.203
Phải trả người bán và phải trả khác	149.895.709.544	95.262.258.504
Chi phí phải trả	14.395.179.892	21.798.678.137
Cộng	426.405.866.129	382.737.257.844
Trạng thái ròng	(167.480.770.381)	(151.043.853.761)

Tại ngày 31/12/2020 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020**

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Vay và nợ thuê tài chính	252.053.767.636	10.061.209.057	262.114.976.693
Phải trả người bán và phải trả khác	149.895.709.544	-	149.895.709.544
Chi phí phải trả	14.395.179.892	-	14.395.179.892
Cộng	416.344.657.072	10.061.209.057	426.405.866.129
Số đầu năm			
Vay và nợ thuê tài chính	252.650.937.513	13.025.383.690	265.676.321.203
Phải trả người bán và phải trả khác	95.262.258.504	-	95.262.258.504
Chi phí phải trả	21.798.678.137	-	21.798.678.137
Cộng	369.711.874.154	13.025.383.690	382.737.257.844

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.799.909.180	-	7.799.909.180
Phải thu khách hàng và phải thu khác	247.589.122.061	2.516.064.507	250.105.186.568
Đầu tư dài hạn	-	1.020.000.000	1.020.000.000
Cộng	255.389.031.241	3.536.064.507	258.925.095.748
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.571.081.516	-	2.571.081.516
Phải thu khách hàng và phải thu khác	225.137.683.980	2.964.638.587	228.102.322.567
Đầu tư dài hạn	-	1.020.000.000	1.020.000.000
Cộng	227.708.765.496	3.984.638.587	231.693.404.083

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

6.12. Báo cáo bộ phận*Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh*

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	313.216.527.215	-	313.216.527.215
Khấu hao và chi phí phân bổ	10.088.425.448	-	10.088.425.448
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	612.371.825	-	612.371.825
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	9.527.025.248	-	9.527.025.248
Tài sản bộ phận	598.701.395.473	-	598.701.395.473
Tổng tài sản	598.701.395.473	-	598.701.395.473
Nợ phải trả bộ phận	489.022.643.800	-	489.022.643.800
Tổng nợ phải trả	489.022.643.800	-	489.022.643.800

Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo lĩnh vực địa lý

	Miền Bắc	Miền Nam, Miền Trung, Tây Nguyên	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	313.216.527.215	-	313.216.527.215
Tài sản bộ phận	598.701.395.473	-	598.701.395.473
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	9.527.025.248	-	9.527.025.248

6.13 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
c) Ngoại tệ các loại		
- USD	713,48	862,00
- EUR	101,69	371,82

7 Thông tin khác**7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của ban Tổng Giám đốc, HĐQT	1.338.317.465	1.766.394.919
Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban TGD	1.338.317.465	1.766.394.919

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Trần Thị Hương
Kế toán trưởng

Vũ Bích Chi
Người lập

